TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28- 11- 2018
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đàm Thị Thanh Mai

2. Bà Hoàng Thị Tố Quyên

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi- Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Bùi Đức Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 169/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Thị N**, sinh năm 1989 – Có mặt

Nơi ĐKHKTT: Xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh T

Chỗ ở hiện nay: Xóm B, xã Q, huyện C, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh **Lường Văn S**, sinh năm 1980- Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong Đơn khởi kiện ly hôn, Bản tự khai cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày:

Chị và anh Lường Văn S kết hôn với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh B trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn, tới giữa năm 2009 sau khi chị sinh con thì vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S không tu chí làm ăn, xa đà vào chơi bời, bài bạc, rượu chè với bạn bè, chị đã

khuyên can nhiều lần nhưng không được, cuộc sống gia đình lâm vào tình trạng rất khó khăn, đến khoảng năm 2014, chị phát hiện anh S có dấu hiệu nghiện ma túy. Do cuộc sống gia đình quá khó khăn, vất vả, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xô xát nên chị đã đi ra ngoài tìm việc làm. Tuy nhiên, kể từ khi chị đi làm anh S ở nhà càng xa đà vào tệ nạn, không tu chí làm ăn. Nay, chị xác định hiện cuộc hôn nhân giữa chị và anh S đã lầm vào tình trạng trầm trọng, không thể khắc phục để tiếp tục chung sống lâu dài với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lường Minh Đ, sinh ngày 06/5/2009. Sau khi vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Về điều kiện nuôi con, hiện tại chị có công việc làm ổn định thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng, có nhà ở; do vậy chị có thể đảm bảo được việc trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Anh Lường Văn S có đứng tên vay Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đồng Hỷ số tiền 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng), trong đó 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vốn vay hộ nghèo thời hạn trả nợ tháng 8/2020 và 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) vốn vay nước sạch thời hạn trả nợ tháng 6/2023, hồ sơ vay vốn chị đứng tên là người thừa kế. Do món vay chưa đến hạn thanh toán nên hiện tại chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về công nợ.

[2]. Tại Biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án anh Lường Văn S trình bày:

Anh và chị Dương Thị N kết hôn với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh B trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh T. Từ khi kết hôn tới năm 2016 vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn. Từ năm 2016 chị N đi ra ngoài làm thì ít khi về thăm nhà, không gửi tiền về cho chồng con. Ly do chị N làm đơn xin ly hôn với anh theo anh là do chị N đi làm ở ngoài, không thích về rừng sống với chồng con nữa nên muốn ly hôn.

Anh xác định cuộc hôn nhân của vợ chồng anh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể cứu vãn được và cũng khó có thế tiếp tục chung sống lâu dài với nhau nữa vì chị N đã muốn ly hôn, do vậy anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lường Minh Đ, sinh ngày 06/5/2009, hiện con đang sống cùng với anh. Nguyện vọng của anh sau khi vợ chồng ly hôn anh muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, chị N có điều kiện cấp dưỡng bao nhiêu cho con thì tùy thuộc vào chị N.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Hiện tại vợ chồng có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đồng Hỷ số tiền 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng), do món vay chưa tới

thời hạn thanh toán nên anh chưa yêu cầu Toà án giải quyết về công nợ chung của vợ chồng.

[3]. Tại biên bản làm việc lấy ý kiến của con chung ngày 08/10/2018, cháu Lường Minh Đ là con chung của chị N và anh S có nêu nguyện vọng bố mẹ ly hôn cháu muốn được đi sống với mẹ.

[4]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã có Công văn số 780/CV-TA ngày 29/9/2018 thông báo cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên biết việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị Dương Thị N và anh Lường Văn S, trong đó có liên quan đến việc vay nợ tiền của Ngân hàng. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và có căn cứ giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đồng Hỷ có quan điểm (bằng văn bản) về việc giải quyết trường hợp vay nợ của hộ gia đình chị Dương Thị N và anh Lường Văn S.

Tại Công văn số 61/CV-NHCS ngày 09/10/2018, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên có quan điểm: Hiện tại món vay chưa đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng và sử dụng món vay đúng mục đích nên Ngân hàng không có yêu cầu độc lập, không tham gia tố tụng trong vụ án này.

[5]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ về quan hệ hôn nhân, nhân thân của các đương sự tại địa phương nơi cư trú. Kết quả xác minh xác định anh Lường Văn S và chị Dương Thị N đều có hộ khẩu thường trú tại xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh T. Tuy nhiên, chị Dương Thị N đi làm ở ngoài, ít khi có mặt ở địa phương. Về nhân thân anh Lường Văn S, tại địa phương anh S không nằm trong danh sách những đối tượng nghiện ma túy Công an xã đang quản lý vì chưa có bằng chứng xác định về tình trạng nghiện ma túy của anh S. Tuy nhiên, năm 2017 anh S có bị Công an huyện Đồng Hỷ triệu tập xuống lấy lời khai vì có liên quan đến đối tượng phạm tội mua bán trái phép chất ma túy bị bắt quả tang tại xã V.

[6]. Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Áp dụng Điều 21, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Dương Thị N, cho chị Dương Thị N được ly hôn với anh Lường Văn S.

+ Về con chung: Giao con chung là Lường Minh Đ, sinh ngày 06/5/2009 cho chị Dương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng: Không có yêu cầu xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không có yêu cầu xem xét giải quyết.

+ Về công nợ chung: Không có yêu cầu xem xét giải quyết.

+ Án phí: Chị Dương Thị N phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Dương Thị N với bị đơn anh Lường Văn S, cùng nơi cư trú tại: xã V, huyện Đ, tỉnh T. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn anh Lường Văn S đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, anh Sang vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lương Văn S.

[2] Về nội dung vụ án:

+ *Quan hệ hôn nhân*: Chị Dương Thị N và anh Lường Văn S kết hôn với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh B trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm V, xã V, huyện Đ, tỉnh T. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị N và anh S đều xác định hiện nay cuộc hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Kết quả xác minh tại địa phương cũng xác định được tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh S hiện tại đúng như các đương sự trình bày.

Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa chị N và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận, cho chị N được ly hôn với anh S là phù hợp với các quy định của pháp luật.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Lường Minh Đ, sinh ngày 06/5/2009, hiện nay con đang ở cùng anh S. Cả chị N và anh S đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, bản thân cháu Đ có nguyện vọng muốn được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn; chị N có nhà ở và có thu nhập ổn định đảm bảo các điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ngoài ra tại phiên tòa hôm nay anh S không có mặt, Tòa án không thể giao con cho người vắng mặc tại phiên tòa. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi vợ chồng ly hôn thì cần giao con chung là cháu Lường Minh Đ cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ *Về tài sản chung, công nợ chung*: Đương sự không có yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Dương Thị Nga phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 264; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Dương Thị N, cho chị Dương Thị N được ly hôn với anh Lường Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung là Lường Minh Đ, sinh ngày 06/5/2009 cho chị Dương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung đối với anh Lường Văn S vì chị Dương Thị N chưa có yêu cầu.

Anh Lường Văn S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Chị Dương Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016121 ngày 24/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Dương Thị N đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị N, vắng mặt anh S. Báo cho chị N biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh S biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã Q, huyện C, tỉnh B;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Huy Bắc